

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB - TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Mạnh Cường;

2. Ông Tống Như Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện TB, tỉnh PT, tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 20/3/2025; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HS ngày 01/4/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Danh L**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 30 tháng 11 năm 1988, tại huyện TB, tỉnh PT; Nơi cư trú: Khu 3, xã VL, huyện TB, tỉnh PT; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Bố đẻ: Nguyễn Danh V, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; Vợ: Tống Thị Thu H, sinh năm 1990;; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; Điều trú tại khu 3, xã VL, huyện TB, tỉnh PT; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã VL, huyện TB, (Có mặt).

*** Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Bùi Ngọc D, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 1, xã VL, huyện TB, tỉnh PT, (Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu 1, xã VL, huyện TB, tỉnh PT, (Có mặt).

- Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu 1, xã YK, huyện HH, tỉnh PT, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 29 tháng 12 năm 2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện TB, tỉnh PT đã tiếp nhận nguồn tin tố giác tội phạm về việc Nguyễn Danh L, sinh năm 1988, trú tại khu 3, xã VL, huyện TB, tỉnh PT cho một số người vay tiền với lãi suất cao. Từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2024, L đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng cụ thể như sau:

1. Cho anh Bùi Ngọc D, sinh năm 1993, trú tại khu 1, xã VL, huyện TB, tỉnh PT vay:

Lần 1: Ngày 04/12/2023, L cho anh D vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tương đương với lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,13 lần. Tính đến ngày 12/4/2024, anh D đã trả cho L 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với 128 ngày vay (từ ngày 04/12/2023 đến ngày 12/4/2024). Sau đó, do gặp khó khăn nên anh D xin không trả lãi, chỉ trả tiền gốc và được L đồng ý. Đến nay anh D vẫn nợ L 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc.

Số tiền lãi tối đa L được thu theo quy định của Nhà nước là: 2.104.110 đồng (Hai triệu một trăm linh bốn nghìn một trăm mười đồng). Như vậy, số tiền L thu lời bất chính là 17.095.890 đồng (Mười bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

Lần 2: Ngày 10/12/2023, L cho anh D vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/01 ngày. Tương đương với lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,13 lần. Tính đến ngày 12/4/2024, anh D đã trả cho L 30.500.000 đồng (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với 122 ngày vay (từ ngày 10/12/2023 đến ngày 12/4/2024). Sau đó, anh D xin không trả lãi, chỉ trả tiền gốc và L đồng ý. Đến nay anh D vẫn nợ Nguyễn Danh L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

Số tiền lãi tối đa L được thu theo quy định của Nhà nước là: 3.342.466 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Như vậy, số tiền L thu lời bất chính là 27.157.534 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi tư đồng).

Lần 3: Ngày 11/12/2023, L cho anh D vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Tương đương với lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,13 lần. Tính đến ngày 12/4/2024, anh D đã trả cho L 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với 121 ngày vay (từ ngày 11/12/2023 đến ngày 12/4/2024). Sau đó anh D xin không trả lãi, chỉ trả tiền gốc và L đồng ý. Đến nay anh D vẫn nợ Nguyễn Danh L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc.

Số tiền lãi tối đa L được thu theo quy định của Nhà nước là: 1.326.027 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng). Như vậy, số tiền L thu L bất chính là 10.773.973 đồng (Mười triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).

2. Nguyễn Danh L cho anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1991, trú tại khu 1, xã VL, huyện TB, tỉnh PT vay:

Ngày 01/11/2023, L cho anh T vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/1 triệu /01 ngày. Tương đương với lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,13 lần. Tính đến ngày 03/10/2024, anh T phải trả cho L 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi, tương ứng với 332 ngày vay (từ ngày 01/11/2023 đến ngày 03/10/2024). Nhưng do không có khả năng chi trả thêm, nên anh T xin chỉ trả dần tiền gốc. Như vậy, đối với khoản vay này, trên thực tế anh T đã trả 04 lần tiền lãi, mỗi lần 1.500.000đ; tổng số tiền lãi anh T đã trả cho L là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Đến nay anh T vẫn nợ Nguyễn Danh L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc.

Số tiền lãi tối đa L được thu theo quy định của Nhà nước là: 909.589 đồng (Chín trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Như vậy, số tiền thu lời bất chính là 5.090.411 đồng (Năm triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

3. Nguyễn Danh L cho anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1992, trú tại khu 1, xã YK, huyện Hạ Hòa, tỉnh PT vay:

Ngày 13/02/2024, L cho anh T1 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), với lãi suất 3.000đ/1 triệu /01 ngày, tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,48 lần. Từ 13/02/2024 đến 10/8/2024, anh T1 đã trả cho L 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với 180 ngày vay (từ ngày 13/02/2024 đến ngày 10/8/2024). Ngày 10/8/2024 anh T1 xin không trả lãi, chỉ trả tiền nợ gốc, L đồng ý. Đối với tiền gốc, anh T1 đã 03 lần chuyển tiền và đã trả được 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền gốc. Hiện T1 còn nợ L 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền gốc.

Số tiền lãi tối đa L được thu theo quy định của Nhà nước là: 1.972.603 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng). Số tiền L thu lời bất chính là 8.827.397 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Danh L thu lãi thực tế của 03 (ba) người trên là 78.600.000 đồng (Bảy mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền Nguyễn Danh L được hưởng L theo quy định của pháp luật là: 9.654.795 đồng (Chín triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), số tiền thu lời bất chính là **68.945.205 đồng** (Sáu mươi tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKSTB ngày 19 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, truy tố bị cáo Nguyễn Danh L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng;

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố; Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 của của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Danh L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh L từ 70.000.000đồng – 90.000.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Danh L.

Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 25.000.000đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*), thu giữ của bị cáo Nguyễn Danh L.

- Buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải nộp số tiền 64.682.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng*), để sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53, màu xanh, số Imei 1: 862627050864351, số Imei 2: 862627050864344, đã qua sử dụng của Nguyễn Danh L.

-Tịch thu tiêu hủy thẻ sim số 0368.337.797 của Nguyễn Danh L.

- Buộc anh Bùi Ngọc D phải nộp số tiền 44.972.000 đồng, (khoản tiền anh D vay của bị cáo L, chưa trả cho bị cáo L), để nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải trả cho anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 5.027.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an huyện TB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các vật chứng thu giữ cũng như các chứng cứ, tài liệu điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2024, tại khu 3, xã VL, huyện TB, tỉnh PT; Nguyễn Danh L đã cho 03 người vay tiền để lấy lãi suất cao trái quy định của pháp luật, thu lời bất chính số tiền 68.945.205 đồng, cụ thể:

+ Anh Bùi Ngọc D vay 03 lần: Lần 1 vay 30.000.000đ (từ ngày 04/12/2023 đến 12/4/2024) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 182.5%/năm (gấp 9.13 lần lãi suất được quy định trong BLDS), thu lời bất chính 17.095.890 đồng. Lần 2 vay 50.000.000đ (từ ngày 10/12/2023 đến 12/4/2024) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 182.5%/năm (gấp 9.13 lần lãi suất được quy định trong BLDS), thu lời bất chính 27.157.534 đồng. Lần 3 vay 20.000.000đ (từ ngày 11/12/2023 đến 12/4/2024) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 182.5%/năm (gấp 9.13 lần lãi suất được quy định trong BLDS), thu lời bất chính 10.773.973 đồng

+ Anh Nguyễn Bá T vay 5.000.000 đồng (từ 01/11/2023 đến 03/10/2024) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 182.5%/năm (gấp 9.13 lần lãi suất được quy định trong BLDS), thu lời bất chính 5.090.411 đồng.

+ Anh Nguyễn Mạnh T1 vay 20.000.000 đồng (từ 13/02/2024 đến ngày 10/8/2024) với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 tháng tương đương 109.5%/năm (gấp 5.48 lần lãi suất được quy định trong BLDS), thu lời bất chính 8.827.397 đồng.

Do vậy, căn cứ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định: Nguyễn Danh L các lần cho vay nặng lãi số tiền thu lời bất chính đều dưới 30.000.000 đồng và đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; nên L phải chịu trách nhiệm hình sự với đối với tổng số tiền thu lời bất chính là 68.945.205 đồng của các lần cho vay lãi nặng nêu trên.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Danh L đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu L bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải T1 không giam giữ đến 03 năm”.

Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định trong Bộ luật là 20%/năm (tương đương 1,666666%/tháng, tương đương 0,054794%/ngày). Như vậy, lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 100%/năm trở lên. Mức lãi suất mà bị cáo L cho vay từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm đã vượt

quá 100%/năm, (cụ thể tương đương cao gấp từ 5,48 đến 9,13 lần mức lãi suất cao nhất (20%) nói trên).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, kinh doanh tiền tệ của Nhà nước, xâm phạm đến quyền L của công dân được pháp luật bảo vệ. Hậu quả hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo gây thiệt hại về tài sản cho người vay, bị cáo thu L bất chính từ việc cho vay nặng lãi với số tiền 68.945.205 đồng. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ khả năng nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ L mà vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm vụ L, thu L bất chính.

Trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc loại tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần xử phạt xử hình phạt tiền cũng đủ điều kiện cải T1 bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời, thể hiện chính sách của nhà nước ta đối với người phạm tội thật sự biết ăn năn, hối cải, là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xong xét thấy hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4]. Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

- Đối với anh Bùi Ngọc D: Vay tiền gốc của bị cáo L 03 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng, số tiền L thu lời bất chính của anh D là 55.027.397 đồng, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Nhà nước anh D đã trả cho bị cáo L là 6.772.603 đồng. Như vậy buộc anh D phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền vay của bị cáo L, chưa trả cho bị cáo L là: $100.000.000 - 55.027.397 = 44.972.603$ đồng (làm tròn thành 44.972.000 đồng).

- Đối với anh Nguyễn Bá T: Vay tiền gốc của bị cáo L với số tiền 5.000.000 đồng, số tiền L thu lời bất chính của anh D là 5.090.411 đồng, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Nhà nước anh T đã trả cho L là 909.589 đồng. Như vậy buộc bị cáo L phải trả cho anh T = $5.090.411 - 5.000.00 = 90.411$ đồng (làm tròn thành 90.000 đồng). Tại phiên toà anh T không yêu cầu bị cáo L phải trả nên không xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Mạnh T1: Vay tiền gốc của bị cáo L với số tiền 20.000.000 đồng, số tiền L thu lời bất chính của anh T1 là 8.827.397 đồng, số tiền lãi tối đa được thu theo quy định của Nhà nước anh T1 đã trả cho bị cáo L là

1.972.603 đồng; Số tiền gốc anh T1 đã trả cho bị cáo L là 16.200.000 đồng. Như vậy buộc bị cáo L phải trả anh T1 = $(8.827.397 + 16.200.000) - 20.000.000 = 5.027.397$ đồng (làm tròn thành 5.027.000 đồng).

- Đối với số tiền 25.000.000 đồng, bị cáo L tự giác giao nộp để khắc phục số tiền phạm tội đã cho vay nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền.

- Đối với số tiền bị cáo cho vay và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật dân sự mà bị cáo L đã thu của người vay là 64.682.000 đồng, cần buộc bị cáo L phải nộp để sung ngân sách nhà nước, cụ thể: $(125.000.000 \text{ đồng là số tiền bị cáo cho vay} + 9.654.795 \text{ đồng là số tiền lãi với mức lãi suất cao nhất}) - 25.000.000 \text{ đồng, là số tiền bị cáo đã nộp} - 44.972.000 \text{ đồng, là số tiền anh D vay chưa trả cho bị cáo} = 64.682.795 \text{ đồng (làm tròn thành 64.682.000 đồng)}$.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53, màu xanh, thu giữ của Nguyễn Danh L, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

- Đối với thẻ sim số 0368.337.797 của Nguyễn Danh L, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào:* khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 của của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2]. *Tuyên bố:* Bị cáo Nguyễn Danh L phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[3]. *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh L 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Danh L.

[4]. *Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:*

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi năm triệu đồng*), thu giữ của bị cáo Nguyễn Danh L.

- Buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải nộp số tiền 64.682.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng*), để sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu bán nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53, màu xanh, số Imei 1: 862627050864351, số Imei 2: 862627050864344, đã qua sử dụng của Nguyễn Danh L.

-Tịch thu tiêu hủy thẻ sim số 0368.337.797 của Nguyễn Danh L.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/12/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT).

- Buộc anh Bùi Ngọc D phải nộp số tiền 44.972.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*), (khoản tiền anh D vay của bị cáo L, chưa trả cho bị cáo L), để nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải trả cho anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 5.027.000 đồng (*Năm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5]. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Danh L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- Công an tỉnh PT;
- VKSND H. TB;
- Sở Tư Pháp tỉnh PT;
- Chi cục THA H. TB;
- UBND xã VL;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Luyến